

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2019/KDTM-ST**

Ngày 22/11/2019

"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Tường và ông Lê Văn Chín

- Thư ký phiên tòa: ằng Phạm Hoàng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, tỉnh PT tham gia phiên tòa: Bà Trần Khánh Hương- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VT xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 17/2019/TLST-KDTM, ngày 23/4/2019, về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2019/QĐXX-KDTM ngày 28/8/2019, và các quyết định hoãn phiên tòa; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP CTVN

Địa chỉ: số 108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Hồng Thọ, sinh năm 1982

Chức vụ: Phó Gm đốc Ngân hàng TMCP CTVN, chi nhánh ĐH.

Địa chỉ: khu 1, phường VP, thành phố VT, tỉnh PT.

(Ông Thọ có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979

Và chị Phạm Thị S, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu 8, xã PL, thành phố VT, tỉnh PT.

(Anh T và chị S vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1968

và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1968

Địa chỉ: tổ 11B, khu 6, phường GC, TP.VT, tỉnh PT.

Nơi ở: tổ 6, khu Bảo Đà, phường DL, TP.VT, tỉnh PT.

(Ông G và bà X vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại tòa, ông Nguyễn Hồng Thọ là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh ĐH trình bày:

Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh ĐH (Sau đây viết tắt là: Ngân hàng) và anh Nguyễn Văn T có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số: 18.83.0029/2018-HĐCVHM/NHCT248 ngày 19/6/2018; theo đó, vợ chồng anh T, chị S vay của Ngân hàng số tiền: 2.250.000.000đ; Thời hạn cho vay 12 tháng; Lãi xuất thả nổi theo quy định của Ngân hàng; Mục đích vay vốn: cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thương mại cát sỏi và vật liệu xây dựng các loại. Hạn trả nợ cuối cùng là ngày: 19/6/2019.

Để bảo đảm khoản vay, anh T và chị Sơn, ông G, bà X có thể chấp với Ngân hàng các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 737,2 m² cùng toàn bộ các tài sản có trên đất, thuộc khu 8, xã PL, TP VT, tỉnh PT, theo Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD167820, do UBND TP.VT cấp ngày 07/6/2016, mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị S. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 17.62.0061/HĐTC ngày 08/6/2017.

- 01 chiếc tàu Quốc cùng thiết bị máy móc trên tàu, số đăng ký PT-2281, theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 2621/ĐK-SGTVT do Sở Giao thông vận tải tỉnh PT cấp ngày 29/7/2016, mang tên Nguyễn Văn T. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 17.62.0060/HĐTC ngày 08/6/2017 và các văn bản bổ sung.

- 01 chiếc xe ô tô 5 chỗ ngồi, có BKS 19L-8966; màu đen, Loại xe CAMRY-LE, số máy 2AZ8996547 số khung 46K48U749765; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002083 do Công an tỉnh PT cấp ngày 19/12/2007, mang tên ông Nguyễn Văn G. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.62.0080/ HĐTC ngày 23/8/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh T đã không thực hiện đúng các nghĩa vụ cam kết trong hợp đồng tín dụng. Không thực hiện các cam kết trả nợ cho ngân hàng đúng kỳ hạn, vi phạm Hợp đồng cho vay. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, thông báo đòi nợ nhưng anh T vẫn không trả được cho ngân hàng.

Nay phía Ngân hàng yêu cầu anh Nguyễn Văn T, chị Phạm Thị S phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 22/11/2019, tổng cộng là: 2.545.770.538,đ; Gốc là: 2.245.500.000đ; Lãi là: 206.327.342đ; Lãi phạt cộng dồn là: 93.943.196đ.

Phía bị đơn là anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị S vắng mặt tại phiên tòa, Tại biên bản tự khai và quá trình hòa giải tại Tòa án trình bày:

Anh T và chị S thừa nhận vợ chồng có vay tiền theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết mà phía Ngân hàng trình bày nêu trên là hoàn toàn đúng. Nay phía Ngân hàng khởi kiện anh T, chị S nhất trí trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng, nhưng hiện nay không thể có tiền trả ngay được nên xin được trả dần cho Ngân hàng. Trong trường hợp không trả được nợ anh T, chị S nhất trí để Cơ quan Thi hành án

dân sự xử lý các tài sản đã thế chấp tại Ngân hàng để trả tiền cho Ngân hàng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phía ông Nguyễn Văn G trình bày: Ngày 23/8/2017, vợ chồng ông G và bà Nguyễn Thị X cho anh T mượn tài sản để thế chấp; (tài sản là 01 chiếc xe ô tô con 5 chỗ ngồi, có BKS 19L-8966; màu đen, Loại xe CAMRY-LE, số máy 2AZ8996547 số khung 46K48U749765; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002083 do Công an tỉnh PT cấp ngày 19/12/2007, mang tên ông Nguyễn Văn G), tại Ngân hàng TMCP CTVN, chi nhánh ĐH để cho anh Nguyễn Văn T vay số tiền là 350.000.000đ. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.62.0080/HĐTC ngày 23/8/2017 giữa Ngân hàng và vợ chồng ông G, bà X. Phía ông G nhất trí để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô trong trường hợp anh T không trả được nợ cho Ngân hàng.

Ngày 13/8/2019, Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự; tại phiên hòa giải giữa Ngân hàng, anh T, chị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông G đều có mặt, đã tự nguyện thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP CTVN, chi nhánh ĐH toàn bộ nợ theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, cụ thể: Mỗi 1 tháng anh T trả cho ngân hàng số tiền là: 50.000.000đ/1 tháng, trả nợ vào ngày 25 hàng tháng, kể từ tháng 9/2019 cho đến khi trả nợ xong. Ngoài ra, anh T còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thanh toán được theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi xong toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng.

Trong trường hợp anh T không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ tại bất kỳ thời điểm trả nợ nào theo cam kết trên, anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý để ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Số tiền phát mại tài sản nếu dư nhiều hơn so với số tiền nợ gốc và lãi của ngân hàng tại thời điểm phát mại thì ngân hàng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông T số tiền dư đó. Nếu số tiền phát mại tài sản thiếu so với số tiền nợ gốc và lãi của ngân hàng tại thời điểm phát mại thì ông T phải có nghĩa vụ trả nợ đủ số tiền nợ gốc và lãi cho ngân hàng tại thời điểm phát mại tài sản. Mọi chi phí thực hiện thủ tục phát mại tài sản ông T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí phát mại.

Phía ngân hàng và anh T, chị S, ông G đều nhất trí về xử lý các tài sản thế chấp và không ý kiến tranh chấp gì về tài sản đã thế chấp.

Về án phí: Anh T tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi lập biên bản hòa giải thành ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên như nội dung nêu trên, Tòa án đã tiến hành chuyển giao biên bản này cho bà X, nhưng trong thời hạn 07 ngày Tòa án không nhận được ý kiến của bà X. Do vậy, ngày 20/8/2019, Tòa án ra Thông báo về việc Tòa án không ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT phát biểu về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đó chấp hành đúng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khưng chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự là vắng mặt khưng có lý do.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị S phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh ĐH số tiền còn nợ tính đến ngày 22/11/2019 là 2.545.770.538đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền xử lý các tài sản đã thế chấp để thu hồi khoản nợ theo hợp đồng tín dụng.

Về án phí: Anh T, chị S phải chịu án phí sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh ĐH số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị S có hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã PL, thành phố VT, tỉnh PT. Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT

Xét về sự vắng mặt của bị đơn là anh T, chị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông G và bà X, Hội đồng xét xử thấy rằng: Phía anh T, chị S, ông G và bà X đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Ngày 19/6/2018, giữa Ngân hàng TMCP CTVN, chi nhánh ĐH (Sau đây viết tắt là: Ngân hàng) và anh Nguyễn Văn T có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số: 18.83.0029/2018-HĐCVHM/NHCT248; Theo đó, Ngân hàng cho anh T vay số tiền là: 2.250.000.000đ; Thời hạn cho vay 12 tháng; Lãi xuất thả nổi theo quy định của Ngân hàng Công thương Việt Nam; Mục đích vay vốn: cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thương mại cát sỏi và vật liệu xây dựng các loại. Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 19/6/2019.

Để bảo đảm khoản vay, anh T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thế chấp các tài sản sau:

1/ Theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 17.62.0060/HĐTC ngày 08/6/2017 và các văn bản bổ sung; giữa ngân hàng và anh T có thế chấp tài sản là: 01 Tàu quốc cùng thiết bị máy móc trên tàu, số đăng ký PT-2281, theo Giấy chứng nhận

đăng ký phương tiện thủy nội địa số 2621/ĐK-SGTVT do Sở Giao thông vận tải tỉnh PT cấp ngày 29/7/2016, mang tên Nguyễn Văn T.

2/ Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 17.62.0061/HĐTC ngày 08/6/2017, ký kết giữa ngân hàng với anh T, chị S; tài sản thế chấp là: 01 Quyền sử dụng đất diện tích 737,2 m² cùng toàn bộ các tài sản có trên đất, thuộc khu 8, xã PL, TP VT, tỉnh PT; theo Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD167820, do UBND TP.VT cấp ngày 07/6/2016, mang tên anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị S.

03/ Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.62.0080/HĐTC ngày 23/8/2017; ngân hàng với vợ chồng ông Nguyễn X G, bà Nguyễn Thị X, tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô 5 chỗ ngồi, có BKS 19L-8966; màu đen, Loại xe CAMRY-LE, số máy 2AZ8996547 số khung 46K48U749765; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002083 do Công an tỉnh PT cấp ngày 19/12/2007, mang tên ông Nguyễn Văn G.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh T đã không thực hiện đúng các nghĩa vụ cam kết trong hợp đồng tín dụng. Không thực hiện các cam kết trả nợ cho ngân hàng đúng kỳ hạn, vi phạm Hợp đồng cho vay. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, thông báo đòi nợ. Nhưng anh T vẫn không trả được cho ngân hàng. Nên ngân hàng khởi kiện.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Văn T, chị Phạm Thị S và ông Nguyễn X G đã tự nguyện thỏa thuận: Anh T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP CTVN, chi nhánh ĐH theo Hợp đồng tín dụng, trong trường hợp anh T không trả được ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý toàn bộ các tài sản đã thế chấp để thu hồi khoản nợ, theo hợp đồng tín dụng. Nhưng do bà Nguyễn Thị X là vợ ông G vắng mặt, không có quan điểm gì, cho nên việc tự thỏa thuận nội dung trên của các bên không thành. Tòa án đã triệu tập bà X nhiều lần đến Tòa án để giải quyết, nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy, việc bà X không đến Tòa án để giải quyết coi như là bà X đã tự bỏ các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của mình được pháp luật bảo vệ.

Nay Ngân hàng yêu cầu anh T và chị S phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 22/11/2019, tổng cộng là: 2.545.770.538đ (trong đó gốc là: 2.245.500.000đ; Lãi là: 206.327.342,đ; Lãi phạt cộng dồn là: 93.943.196đ) và đề nghị đưa chị S tham gia tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số: 18.83.0029/2018-HĐCVHM/NHCT248 giữa Ngân hàng và vợ chồng anh T được ký kết ngày 19/6/2018 dựa trên cơ tự nguyện và hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật. Mặc dù trong hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và anh T, nhưng khi vay vốn anh T và chị S có giấy đề nghị vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Khi thực hiện hợp đồng anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể là không trả nợ gốc và lãi hàng tháng như đã cam kết, mặc dù Ngân hàng đã thông báo, đôn đốc trả nợ nhiều lần nhưng không thực hiện đã vi phạm vào Điều 3 của Hợp đồng tín dụng. Quá trình giải quyết tại Tòa án anh T, chị S nhất trí với yêu cầu của Ngân hàng và không thắc mắc khiếu nại gì nên yêu cầu Ngân hàng là có căn cứ. Vì vậy

cần buộc anh T và chị S phải trả toàn bộ số nợ tổng cộng là: 2.545.770.538đ (trong đó gốc là: 2.245.500.000đ; Lãi là: 206.327.342,đ; Lãi phạt cộng dồn là: 93.943.196đ) cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng là phù hợp.

Đối với các Hợp đồng thế chấp gồm: Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.62.0060/HĐTC ngày 08/6/2017 và các văn bản bổ sung; và tài sản thế chấp là: 01 Tàu quốc cùng thiết bị máy móc trên tàu, số đăng ký PT-2281, theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 2621/ĐK-SGTVT do Sở Giao thông vận tải tỉnh PT cấp ngày 29/7/2016, mang tên Nguyễn Văn T và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 17.62.0061/HĐTC ngày 08/6/2017, tài sản thế chấp là: 01 Quyền sử dụng đất diện tích 737,2 m² cùng toàn bộ các tài sản có trên đất, thuộc khu 8, xã PL, TP VT, tỉnh PT; theo Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ167820, do UBND TP.VT cấp ngày 07/6/2016, mang tên anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị S. Đây là các tài sản chung của anh T và chị S đã tự nguyện thỏa thuận thế chấp, anh T và chị S nhất trí với yêu cầu của Ngân hàng trong trường hợp không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng và không có thắc mắc khiếu nại gì về các Hợp đồng thế chấp tài sản nên các Hợp đồng thế chấp tài sản trên là hợp pháp. Do vậy anh T và chị S phải có trách nhiệm dùng tài sản trên để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Tàu quốc cùng thiết bị máy móc trên tàu, số đăng ký PT-2281 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên là phù hợp.

Đối với Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.62.0080/HĐTC ngày 23/8/2017; giữa Ngân hàng với vợ chồng ông Nguyễn X G, bà Nguyễn Thị X, tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô 5 chỗ ngồi, có BKS 19L-8966 được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, quá trình giải quyết vụ án giữa Ngân hàng và vợ chồng anh T, chị S cùng ông G đã tự nguyện thỏa thuận với nội dung là: Nếu anh T không trả được nợ cho Ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô để trả nợ thay cho anh T. Nhưng bà Nguyễn Thị X là vợ ông G không có quan điểm gì về việc này, cho nên việc tự thỏa thuận nội dung trên của các bên không thành. Tòa án đã triệu tập bà X nhiều lần đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng chị X vắng mặt. Xét thấy, việc chị X không đến Tòa án để giải quyết coi như là chị X đã tự bỏ các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của mình được pháp luật bảo vệ. Mặt khác, Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.62.0080/HĐTC ngày 23/8/2017 được ký kết là hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện của ông G, bà X và ông G cũng nhất trí để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp nếu anh T không trả được nợ cho Ngân hàng và ông G và bà X không có ý kiến, thắc mắc gì về Hợp đồng thế chấp. Do vậy ông G và bà X phải có trách nhiệm dùng tài sản trên để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giải quyết tài sản thế chấp này theo quy định của pháp luật, trong trường hợp anh T không trả được tiền vay thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là anh T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật và Trả lại cho nguyên đơn là ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 116, 117, 119, 120, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Các Điều 90, 91, 93, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP CTVN, chi nhánh ĐH;

Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Phạm Thị S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP CTVN, chi nhánh ĐH, tính đến ngày 22/11/2019, tổng số tiền là: **2.545.770.538đ** (Hai tỷ, năm trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng), trong đó tiền gốc là: 2.245.500.000đ (Hai tỷ, hai trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng), tiền lãi là: 206.327.342đ (Hai trăm linh sáu triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng), tiền lãi phạt cộng dồn là: 93.943.196đ (Chín mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi ba nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng);

Trong trường hợp anh T, chị S không thực hiện đúng nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP CTVN, chi nhánh ĐH, thì Ngân hàng TMCP CTVN, chi nhánh ĐH có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự, xử lý các tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật; tài sản thế chấp gồm có:

1/ 01 Tàu quốc cùng thiết bị máy móc trên tàu, số đăng ký PT-2281, theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 2621/ĐK-SGTVT do Sở Giao thông vận tải tỉnh PT cấp ngày 29/7/2016, mang tên Nguyễn Văn T. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 17.62.0060/HĐTC ngày 08/6/2017 và các văn bản bổ sung;

2/ 01 Quyền sử dụng đất diện tích 737,2 m² cùng toàn bộ các tài sản có trên đất, thuộc khu 8, xã PL, TP VT, tỉnh PT; được UBND thành phố VT, tỉnh PT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CD167820, ngày 07/6/2016, đứng tên ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị S. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 17.62.0061/HĐTC ngày 08/6/2017;

03/ 01 chiếc xe ô tô 5 chỗ ngồi, có BKS 19L-8966; màu đen, Loại xe CAMRY-LE, số máy 2AZ8996547 số khung 46K48U749765; theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002083 do Công an tỉnh PT cấp ngày 19/12/2007, đứng

tên ông Nguyễn Văn G. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 17.62.0080/ HĐTC ngày 23/8/2017;

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh T, chị S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong trường hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

* *Về án phí:* Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị S phải chịu 82.915.000,đ (Tám mươi hai triệu chín trăm mười năm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP CTVN, chi nhánh ĐH số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.500.000,đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000052 ngày 22/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố VT.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT;
- VKSND TP VT;
- Chi cục THADS TP VT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyện

